

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05 – 5 – 2025

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Đoàn Thị Sim.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 75/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Ngọc L (Phạm Thị Cà L), sinh năm: 1998 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đường C, xã Phú T, huyện Phú T, tỉnh Cà M.

Bị đơn: Anh Lê Trung T, sinh năm: 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh Cà M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Ngọc Li là nguyên đơn thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Trung T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, không có đăng ký hôn. Đến ngày 24/01/2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó một vài năm thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn nhưng anh, chị tự hàn gắn để lo cho con đến khoảng giữa năm 2022 thì vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị là do anh không quan tâm, chăm sóc vợ, con. Anh đi làm có thu nhập ổn định nhưng chỉ đưa tiền cho cha, mẹ ruột của anh chứ không cho mẹ, con chị. Chị đã nhiều lần khuyên anh lo cho gia đình nhỏ của vợ, chồng nhưng anh không chịu nên vợ, chồng cự cãi thường xuyên, anh còn đánh chị nhiều lần. Mâu thuẫn giữa vợ, chồng cha, mẹ hai bên có tổ chức hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Anh, chị không còn chung sống với nhau từ giữa năm

2022 cho đến nay. Chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Linh xác định: Anh, chị có một người con tên Lê Thiên K, sinh ngày 28/10/2014, hiện con đang sống với anh T. Khi ly hôn chị yêu cầu anh T được tiếp tục nuôi con, chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.0000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị L khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Đối với anh Lê Trung T, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Trung T đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật thông qua mẹ ruột của anh T nhận thay và cam kết giao lại cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của chị Phạm Ngọc L về việc xin ly hôn với anh Lê Trung T thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; anh Tính là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Tân Điền, xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Lê Trung T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Ngọc L và anh Lê Trung T xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống anh, chị có nhiều mâu thuẫn. Xét thực tế cuộc sống chung của anh, chị có mâu thuẫn là đúng vì theo chị Linh thì vợ chồng, anh, chị xảy ra mâu thuẫn thường xuyên trong nhiều năm, mâu thuẫn đỉnh điểm vào giữa năm 2022 nên anh, chị không còn quan tâm, chăm sóc, quý trọng nhau. Anh, chị đã cự cãi nhiều lần, đánh nhau nhiều lần và hiện tại mỗi người sống một nơi. Trong khoảng thời gian này anh, chị không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ, chồng. Bên cạnh đó, chị L cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét chấp nhận cho chị ly hôn thì chị cũng không đoàn tụ, chung sống với anh Tính được nữa vì tình cảm vợ, chồng không còn. Đối với anh T quá trình Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay đã mời anh rất nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến. Do đó, Tòa án căn cứ vào những chứng cứ mà chị L nộp để giải quyết vụ án là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình

trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị Linh xác định: Anh, chị có một người con tên Lê Thiên K, sinh ngày 28/10/2014, hiện con đang sống với anh T. Khi ly hôn chị L yêu cầu anh T tính được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của chị L và anh T. Giao con cho chị L hoặc anh T trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con nhưng không phải giao con cho chị L hay anh T nuôi thì người không trực tiếp nuôi con bị tước đi các quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Mặc dù, chị L khai anh, chị đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con nhưng việc anh, chị ly hôn đã phần nào ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của con nên cần phải hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng đời sống và bảo đảm được việc học hành, sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần của con. Bên cạnh đó, cháu K đang sống ổn định với anh T và tại biên bản ghi ý kiến của cháu K thì cháu K muốn tiếp tục ở cùng cha khi cha, mẹ ly hôn để tránh sự xáo trộn tâm lý, cuộc sống của cháu nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu K cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Quá trình giải quyết chị L tự cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thiên K hàng tháng, mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, tự nuôi sống được bản thân nên Hội đồng xét xử xét thấy việc tự nguyện cấp dưỡng của chị L là để đảm bảo nhu cầu, cuộc sống hàng ngày của con là có cơ sở nên chấp nhận.

Về thời gian cấp dưỡng do các đương sự không thỏa thuận nên được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Lê Trung T có đơn yêu cầu thi hành án, chị Phạm Ngọc L không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Chị L không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị L khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Ngọc L về việc xin ly hôn anh Lê Trung T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thiên K, sinh ngày 28/10/2014, hiện con đang ở với anh T cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc chị Phạm Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, tự nuôi sống được bản thân. Về thời gian cấp dưỡng, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Lê Trung T có đơn yêu cầu thi hành án, chị Phạm Ngọc L không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Chị Phạm Ngọc L không trực tiếp nuôi các con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị L khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Phạm Ngọc L phải chịu 300.000 đồng. Ngày 06 tháng 3 năm 2025, chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0003902 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con, chị L phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng, chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lê Thúy Dung